

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		884,082,250,759	834,164,216,631
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21,871,468,396	43,123,321,326
1. Tiền	111		21,871,468,396	14,023,321,326
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	29,100,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61,976,406,922	10,387,880,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	72,270,999,863	26,385,589,786
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(10,294,592,941)	(15,997,709,786)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		357,750,438,106	374,678,972,511
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	325,490,764,594	356,498,379,218
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	20,452,545,246	7,944,063,318
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	13,103,289,566	11,532,691,275
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(1,296,161,300)	(1,296,161,300)
IV. Hàng tồn kho	140		336,581,254,657	308,618,293,589
1. Hàng tồn kho	141	V.8	336,678,894,303	308,758,881,254
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(97,639,646)	(140,587,665)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		105,902,682,678	97,355,749,205
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1,109,970,485	2,500,649,770
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,620,413,203	2,699,993,447
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	123,146,142	966,111,714
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	93,049,152,848	91,188,994,274

Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		457,352,764,543	479,018,255,938
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		187,378,440,820	198,729,115,739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	166,811,037,679	177,555,020,237
<i>Nguyên giá</i>	222		265,073,301,674	264,628,954,919
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(98,262,263,995)	(87,073,934,682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	6,160,592,635	6,599,023,627
<i>Nguyên giá</i>	225		8,350,827,544	8,350,827,544
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2,190,234,909)	(1,751,803,917)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	13,090,733,203	13,452,368,347
<i>Nguyên giá</i>	228		15,696,791,504	15,696,791,504
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,606,058,301)	(2,244,423,157)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	1,316,077,303	1,122,703,528
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		264,015,503,797	273,812,448,263
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	152,217,351,500	152,217,351,500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	38,587,000,000	38,452,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	73,556,567,484	83,423,428,598
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(345,415,187)	(280,331,835)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,958,819,926	6,476,691,936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	5,733,819,926	6,251,691,936
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	225,000,000	225,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,341,435,015,302	1,313,182,472,569

Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		962,293,401,823	939,115,897,581
I. Nợ ngắn hạn	310		800,097,137,680	856,364,478,438
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	673,915,851,457	746,341,335,097
2. Phải trả người bán	312	V.24	102,351,283,356	82,012,453,224
3. Người mua trả tiền trước	313		9,985,389,422	607,338,915
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	5,519,437,263	7,104,695,296
5. Phải trả người lao động	315		3,238,069,596	3,455,995,957
6. Chi phí phải trả	316	V.26	3,093,218,898	11,046,882,203
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	1,671,440,778	1,097,076,372
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.28	322,446,910	4,698,701,374
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		162,196,264,143	82,751,419,143
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29	14,141,670,000	14,296,825,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	147,792,190,431	68,192,190,431
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		262,403,712	262,403,712
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		379,141,613,479	374,066,574,988
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.31	379,141,613,479	374,066,574,988
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		267,107,230,000	267,107,230,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69,047,988,652	69,047,988,652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,484,460,000)	(9,976,769,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1,062,518,382
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,770,760,273	4,191,115,097
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,385,380,137	2,095,557,549
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45,314,714,417	40,538,934,308
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,341,435,015,302	1,313,182,472,569

Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

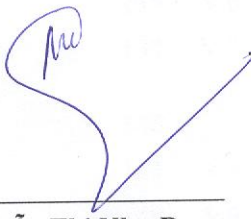
CHỈ TIÊU	Thuyế	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II Năm 2012

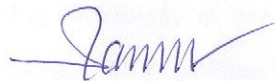
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	số	minh	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	501,977,796,841	478,515,584,089	955,698,657,580	798,554,666,347
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,155,519,974	121,313,282	1,178,548,710	196,313,282
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		500,822,276,867	478,394,270,807	954,520,108,870	798,358,353,065
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	443,790,394,116	414,626,882,822	858,839,136,255	683,337,004,792
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57,031,882,751	63,767,387,985	95,680,972,615	115,021,348,273
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,829,883,540	3,310,857,943	7,917,944,701	10,773,649,338
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	38,251,906,959	37,885,714,889	60,527,571,126	66,750,384,027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37,788,710,917	23,158,175,949	61,931,702,412	39,620,030,287
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	14,006,281,267	14,831,858,840	24,397,015,249	24,425,579,694
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6,804,575,268	5,812,778,865	12,727,747,540	14,343,718,165
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,799,002,797	8,547,893,334	5,946,583,401	20,275,315,725
11 Thu nhập khác	31	VI.7	67,232,666	716,870,549	192,464,531	10,262,566,425
12 Chi phí khác	32	VI.8	69,135,981	431,553,381	108,275,386	9,297,575,830
13 Lợi nhuận khác	40		(1,903,315)	285,317,168	84,189,145	964,990,595
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,797,099,482	8,833,210,502	6,030,772,546	21,240,306,320
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		592,274,871	2,492,897,369	1,400,693,137	5,216,024,664



Kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

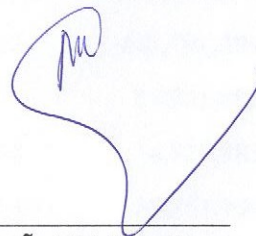
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,204,824,611	6,340,313,133	4,630,079,409	16,024,281,656
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc




Lê Hoàng Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min h	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,030,772,546	21,240,306,320
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12,011,241,807	12,117,993,424
- Các khoản dự phòng	03		(5,680,981,512)	11,063,138,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,787,932,340)	(4,047,249,081)
- Chi phí lãi vay	06		61,931,702,412	39,620,030,287
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68,504,802,913	79,994,218,950
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14,320,711,621	(150,758,388,139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27,920,013,049)	(198,498,605,048)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		27,277,823,720	42,189,809,001
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,908,551,295	(5,577,634,910)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(69,885,365,717)	(42,876,081,312)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(144,291,833)	(8,023,564,370)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,043,838,758	4,674,032,090
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10,799,931,728)	(399,837,976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4,306,125,980	(279,276,051,713)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(731,963,428)	(16,790,096,204)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		106,330,314	10,168,822,496
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23		(44,009,646,922)	(42,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8,500,000,000	3,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(235,000,000)	(44,092,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,283,564,436	1,417,475,692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32,086,715,600)	(88,295,798,016)



Cho quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

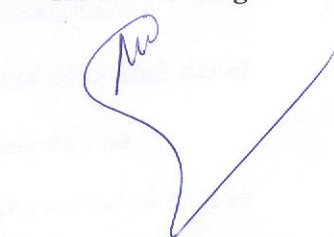
CHỈ TIÊU	Mã số	Th uyế	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2,649,000,000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2,156,691,000)	(7,530,045,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		820,111,406,800	712,662,439,915
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(813,220,879,654)	(394,108,597,128)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(849,000,000)	(392,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6,533,836,146	310,631,797,787
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21,246,753,474)	(56,940,051,942)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43,123,321,326	82,723,564,103
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(5,099,456)	91,160,172
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21,871,468,396	25,874,672,332
			0	



 Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2012



 Tổng giám đốc

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại.
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:** Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương Năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 660 nhân viên đang làm việc .

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2012 công ty không thực hiện đánh giá lại số dư tài khoản có gốc ngoại tệ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	749.153.345	131.505.239
Tiền gửi ngân hàng	21.122.315.051	13.306.181.087
Tiền đang chuyển		585.635.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		29.100.000.000
Cộng	<u>21.871.468.396</u>	<u>43.123.321.326</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		23.111.352.941		26.385.589.786
<i>DZM</i>				
<i>HSG</i>	100.000	1.980.000.000	110.000	2.178.000.000
<i>HUT</i>			98.000	1.967.358.845
<i>KDC</i>				
<i>OGC</i>			12.000	245.000.000
<i>PET</i>	210.000	3.822.000.000	217.290	3.954.678.000
<i>PVX</i>	640.600	12.824.352.941	610.000	12.824.352.941
<i>TBC</i>			44.500	605.200.000
<i>VND</i>	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
<i>HPC</i>			12.000	126.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		49.159.646.922		
<i>Cho công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay (i)</i>		11.659.646.922		
<i>Cho công ty CP XNK và XD Việt Nam – Vinaconex (ii)</i>		37.500.000.000		
Cộng		<u>72.270.999.863</u>		<u>26.385.589.786</u>

(i) Là khoản cho vay của hợp đồng số 02/2011/HDVT ngày 02 tháng 01 năm 2012, theo đó Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay số tiền là : 15.000.000.000 đồng trong vòng 01 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng VCB. Tại thời điểm 30/6/2012 công ty đã cho vay số tiền là: 11.659.646.922 đồng.

(ii) Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HDVT ngày 18/11/2011 về việc cho vay giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng VCB. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 giá trị khoản vay là :37.500.000.000VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	15.997.709.786
Hoàn nhập dự phòng	(15.997.709.786)
Trích lập dự phòng bổ sung	10.294.592.941
Số cuối kỳ	10.294.592.941

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	325.490.764.594	356.498.379.218
Trả trước cho người bán	20.452.545.246	7.944.063.318
Cộng	325.490.764.594	364.442.442.536

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu công ty con về cổ tức và lợi nhuận được chia	7.367.939.072	7.367.939.072
Phải thu lãi tiền vay	5.023.058.017	3.553.623.887
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	157.822.808	197.592.746
Các khoản phải thu khác	554.469.669	413.535.570
Cộng	13.103.289.566	11.532.691.275

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	1.048.245.600	1.048.245.600
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	47.915.700	47.915.700
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	200.000.000	200.000.000
Cộng	1.296.161.300	1.296.161.300

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	33.040.827.839	27.883.785.630
Nguyên liệu, vật liệu	233.398.864.223	159.306.517.692
Công cụ, dụng cụ	5.251.334.777	5.252.944.520
Thành phẩm	52.156.575.645	114.806.685.573
Hàng hóa	12.831.291.819	1.508.947.839
Cộng	336.678.894.303	308.758.881.254

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số đầu năm	140.587.665
Hoàn nhập dự phòng	(42.948.019)
Số cuối kỳ	<u>97.639.646</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	89.410.703	287.198.272
Chi phí lắp biển quảng cáo	371.281.496	1.157.441.847
Chi phí công cụ, dụng cụ	114.425.251	854.562.914
Chi phí khác	534.853.035	201.446.737
Cộng	<u>1.109.970.485</u>	<u>2.500.649.770</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	82.308.242.629	86.699.928.370
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.740.910.219	4.471.652.334
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	17.413.570
Cộng	<u>93.049.152.848</u>	<u>91.188.994.274</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.046.293.734	164.786.167.228	31.008.588.762	6.787.905.195	264.628.954.919
Tăng trong năm					
Mua sắm mới		275.452.793	10.000.000	253.136.860	538.589.653
Giảm do thanh lý, nhượng bán		(31.796.534)		(62.446.364)	(94.242.898)
Số cuối kỳ	<u>62.046.293.734</u>	<u>165.029.823.487</u>	<u>31.018.588.762</u>	<u>6.978.595.691</u>	<u>265.073.301.674</u>

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	5.002.645.599	71.128.507.648	8.490.848.954	2.451.932.481	87.073.934.682
Tăng do khấu hao trong năm	867.765.216	8.348.799.126	1.526.325.795	468.285.534	11.211.175.671

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thanh lý, nhượng bán	(12.630.308)	(10.216.050)	(22.846.358)
----------------------	--------------	--------------	--------------

Số cuối kỳ	5.870.410.815	79.464.676.466	10.017.174.749	2.910.001.965	98.262.263.995
-------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	57.043.648.135	93.657.659.580	22.517.739.808	4.335.972.714	177.555.020.237
------------	----------------	----------------	----------------	---------------	-----------------

Số cuối kỳ	56,175,882,919	85,565,147,021	21,001,414,013	4,068,593,726	166,811,037,679
-------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	------------------------

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Thuê tài chính trong năm			
Số cuối kỳ	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.631.793.971	120.009.946	1.751.803.917
Tăng trong năm do khấu hao	335.565.324	102.865.668	438.430.992
Số cuối kỳ	1.967.359.295	222.875.614	2.190.234.909

Giá trị còn lại

Số đầu năm	4.661.720.299	1.937.303.328	6.599.023.627
Số cuối kỳ	4.326.154.975	1.834.437.660	6.160.592.635

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.579.808.991	2.116.982.513	15.696.791.504
Giảm do thanh lý			
Số cuối kỳ	13.579.808.991	2.116.982.513	15.696.791.504

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.090.355.206	1.154.067.951	2.244.423.157
Khấu hao trong năm	144.466.056	217.169.088	361.635.144
Giảm do thanh lý			
Số cuối kỳ	1.234.821.262	1.371.237.039	2.606.058.301

Giá trị còn lại

Số đầu năm	12.489.453.785	962.914.562	13.452.368.347
------------	----------------	-------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số cuối kỳ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	12.344.987.729	745.745.474	13.090.733.203

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	1.082.203.528	490.344.626	(381.875.397)	1.190.672.757
Phần mềm quản lý nhân sự	633.000.000			633.000.000
Bơm thủy lực	49.500.000		(49.500.000)	0
Máy in 12 m	209.757.514	458.979	(210.216.493)	0
Con lăn tạo hình ống tròn	175.097.802			175.097.802
Máy ép xẻ dẻ	6.605.212	18.969.783	(25.574.995)	0
Thiết bị điện cho hệ thống cây ATM mới	8.243.000	75.250.000	(83.493.000)	0
Tủ điện		144.899.240		144.899.240
Bảng điều khiển		173.130.640		173.130.640
Nắp dẫy mô tơ máy cán		38.345.075		38.345.075
Bơm nước		26.200.000		26.200.000
Máy tính		13.090.909	(13.090.909)	0
XDCB dở dang		125.404.546		125.404.546
Công trình mở rộng nhà xưởng		125.404.546		125.404.546
Sửa chữa tài sản cố định	40.500.000		(40.500.000)	0
Cộng	1.122.703.528	615.749.172	(422.375.397)	1.316.077.303

16. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	4.080.000	40.800.000.000	4.080.000	40.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ⁽ⁱⁱ⁾	4.547.647	111.417.351.500	4.547.647	111.417.351.500
Cộng		152.217.351.500		152.217.351.500

(i) Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, số vốn đầu tư của Công ty tại Công ty con sau khi đánh giá lại tài sản là 40,8 tỷ VND, chiếm 51% Vốn điều lệ của Công ty con.

(ii) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyên nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyên nhượng). Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, Công ty nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 75,79% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	5.000.000	15.000.000.000	5.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	968.200	9.682.000.000	968.200	9.682.000.000
Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	259.200	13.905.000.000	245.700	13.770.000.000
Cộng		38.587.000.000		38.452.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50% (xem thêm thuyết minh V.29)
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.
- (iii) Ngày 04 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà đã thông qua phương án ủy thác đầu tư mua vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long như sau: Ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn 25%, ủy thác cho ông Lê Hoàng Hà 20%. Tổng số cổ phần được ủy thác mua là 9.000.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long thông qua ủy thác đầu tư số tiền 13.905.000.000 VND và sở hữu 259.200 cổ phần .

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		38.510.000.000		38.410.000.000
Đầu tư dự án Paradise Garden ⁽ⁱ⁾		12.500.000.000		12.500.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Đầu tư dự án "Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng" ⁽ⁱⁱ⁾		23.300.000.000		23.200.000.000
Cho vay dài hạn		35.046.567.484		45.013.428.598
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱⁱⁱ⁾		18.683.138.886		15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ^(iv)		16.363.428.598		30.013.428.598
Cộng		73.556.567.484		83.423.428.598

- (i) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án: Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ. Đến 30 tháng 06 năm 2012, Sơn Hà đã góp đủ 12,5 tỷ.
- (ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/2011/HĐHTĐT ngày 24/01/2011 về việc hợp tác đầu tư vào dự án “ Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower” giữa Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc, vốn góp dự kiến của dự án là 240 tỷ, trong đó Công ty góp 35%, tương đương 84 tỷ. Đến 30/06/2012, Công ty đã góp 1,85 tỷ theo tiến độ hợp đồng và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HDUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, giá trị khoản đầu tư cho Công ty Minh Ngọc là 21,45 tỷ đồng gồm: Tiền mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 tương ứng với 19% là 0,95 tỷ đồng.
- (iii) Hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVV ngày 06/11/2011 về việc cho vay bổ sung vốn lưu động giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân. Lãi suất tại thời điểm vay là 19%. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 giá trị khoản gốc vay là 15.000.000.000 VND, tiền lãi 3.683.138.886 VND.
- (iv) Theo Hợp đồng thanh toán công nợ số 0207A/2011/HĐ - PC giữa Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – Vinaconex (Bên A), Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Bên B), Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex (Bên C) ngày 25 tháng 7 năm 2011, bên B sẽ trả nợ thay bên C số tiền mà bên C còn nợ bên A đến thời điểm đến thời điểm 24 tháng 7 năm 2011 khoản gốc là: 30.874.810.098 VND và khoản lãi là: 2.688.618.009 đồng. Bên C đã trả cho bên B số tiền là 17,2 tỷ. Tại thời điểm 30/6/2012 giá trị khoản vay còn lại là: 16.363.428.598 đồng. Lãi suất của khoản vay này là 20%/năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số đầu năm	280.331.835
Trích lập dự phòng	65.083.352
Số cuối kỳ	<u>345.415.187</u>

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	3.470.910.576	413.838.695	1.351.450.698	2.533.298.573
Phí bảo hiểm tài sản	3.249.956		1.392.840	1.857.116
Chi phí sửa chữa tài sản	1.450.743.918		498.136.383	952.607.535
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.271.146.916		429.166.680	841.980.236
Các chi phí khác	55.640.570	1.500.480.000	152.044.104	1.404.076.466
Cộng	<u>6.251.691.936</u>	<u>1.914.318.695</u>	<u>2.432.190.705</u>	<u>5.733.819.926</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	663.504.827.543	683.137.906.298
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	110.689.837.870	114.280.631.574
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	39.526.922.570	34.605.783.657
Ngân hàng TMCP Hàng hải	215.645.953.655	174.086.253.785
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	13.473.379.000	56.677.416.568
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	178.559.620.951	148.564.953.348
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	56.706.005.721	47.604.874.792
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội	48.903.107.776	107.317.992.574
Vay dài hạn đến hạn trả	9.562.023.914	21.105.428.799
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	1.199.999.999	2.399.999.999
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.992.286.735	3.657.704.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	4.890.845.180	10.581.681.180
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.478.892.000	2.957.784.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TPHCM	0	1.508.259.620
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	849.000.000	1.698.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả		40.400.000.000
Cộng	673.915.851.457	746.341.335.097

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Trái phiếu phát hành đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	683.137.906.298	21.105.428.799	1.698.000.000	40.400.000.000	746.341.335.097
Tiền vay phát sinh trong năm	710.311.406.800				376.254.357.920
Số kết chuyển		200.000.000			200.000.000
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	1.132.989.214				1.132.989.214
Tiền vay đã trả trong năm	(731.077.474.769)	(11.743.404.885)	(849.000.000)	(40.400.000.000)	(784.069.879.654)
Số cuối kỳ	663.504.827.543	9.562.023.914	849.000.000		673.915.851.457

22. Phải trả người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	102.351.283.356	82.012.453.224
Người mua trả tiền trước	9.985.389.422	607.338.915
Cộng	<u>112.336.672.778</u>	<u>82.619.792.139</u>

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.337.105.215		4.337.105.215	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.699.226.871	26.384.377.919	24.378.190.944	4.705.413.846
Thuế xuất, nhập khẩu	34.789.592	1.119.297.587	1.098.925.242	55.161.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(966.111.714)	1.400.693.137	144.291.833	290.289.590
Thuế thu nhập cá nhân	33.573.618	314.766.714	253.632.000	94.708.332
Tiền thuê đất		321.501.066	70.783.650	250.717.416
Các loại thuế khác		6.000.000	6.000.000	
Cộng	<u>6.138.583.582</u>	<u>29.546.636.423</u>	<u>30.288.928.884</u>	<u>5.396.291.121</u>

Trong đó:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.104.695.296	5.519.437.263
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(966.111.714)	(123.146.142)
Cộng	<u>6.138.583.582</u>	<u>5.396.291.121</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.030.772.546	21.240.306.320
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	0	
- Các khoản điều chỉnh tăng- lỗ của chi nhánh	0	108.591.336
- Thu nhập từ chia cổ tức	(428.000.000)	(484.799.000)
Thu nhập tính thuế	<u>5.602.772.546</u>	<u>20.864.098.656</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.400.693.137	5.216.024.664
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.400.693.137	5.216.024.664

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTND-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 16.100 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 2.635 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	206.766.747	13.964.002
Kinh phí công đoàn	819.826.545	551.680.545
Tiền phạt vi phạm pháp luật thuế		
Phải trả khác	644.847.486	531.431.825
Cộng	1.671.440.778	1.097.076.372

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.673.170.874	183.825.294	(2.654.000.000)	(1.904.079.758)	296.916.410
Quỹ phúc lợi	25.530.500				25.530.500
Cộng	4.698.701.374	183.825.294	(2.654.000.000)	(1.904.079.758)	322.446.910

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	941.670.000	1.096.825.000
Nhận góp vốn đầu tư vào công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	10.700.000.000
Nhận góp vốn vào dự án Paradise Garden	3.900.000.000	2.500.000.000
Cộng	14.141.670.000	14.296.825.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

28. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	96.005.538.617	16.405.538.617
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 ^(a)	1.081.918.712	1.081.918.712
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(b)	3.181.411.302	3.181.411.302
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch ^(c)	11.942.208.602	12.142.208.603
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	79.800.000.000	
Nợ thuê tài chính	1.786.651.814	1.786.651.814
Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.786.651.814	1.786.651.814
Trái phiếu	50.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm – Lãi suất 16,25%/năm ^(e)	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	147.792.190.431	68.192.190.431

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	96.005.538.617		96.005.538.617	
Thuê tài chính	1.786.651.814		1.786.651.814	
Trái phiếu không có bảo đảm	50.000.000.000		50.000.000.000	
Cộng	147.792.190.431		147.792.190.431	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn cá nhân	Thuê tài chính	Trái phiếu	Cộng
Số đầu năm	16.405.538.617	0	1.786.651.814	50.000.000.000	68.192.190.431
Số tiền vay phát sinh	79.800.000.000	30.000.000.000			109.800.000.000
Số đã trả		(30.000.000.000)			(30.000.000.000)
Số kết chuyển	(200.000.000)				(200.000.000)
Số cuối kỳ	96.005.538.617	0	1.786.651.814	50.000.000.000	147.792.190.431

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	1.062.518.382	4.191.115.097	2.095.557.549	40.538.934.308	374.066.574.988
Mua cổ phiếu quỹ			(2.156.691.000)					(2.156.691.000)
Lợi nhuận trong năm							4.630.079.409	4.630.079.409
Hoàn nhập quỹ khen thưởng							1.904.079.758	1.904.079.758
Trích lập các quỹ					579.645.176	289.822.588	(1.014.379.058)	(144.911.294)
Chi thường bằng cổ phiếu			2.649.000.000					2.649.000.000
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước				(1.062.518.382)				(1.062.518.382)
Thù lao BKS, HĐQT							(744.000.000)	(744.000.000)
Số dư cuối kỳ này	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)	0	4.770.760.273	2.385.380.137	45.314.714.417	379.141.613.479

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư	267.107.230.000	267.107.230.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	62.067.020.000	61.267.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.950.000.000	48.150.000.000
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Cổ đông khác	130.410.210.000	132.010.210.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.047.988.652	69.047.988.652
Cổ phiếu quỹ	(9.484.460.000)	(9.976.769.000)
Cộng	<u>326.670.758.652</u>	<u>326.178.449.652</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.710.723	26.710.723
- Cổ phiếu phổ thông	26.710.723	26.710.723
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	716.060	559.230
- Cổ phiếu phổ thông	716.060	559.230
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.994.663	26.151.493
- Cổ phiếu phổ thông	25.994.663	26.151.493
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	22.398.405.344	48.038.899.280
Doanh thu bán thành phẩm	478.948.353.446	429.929.782.331
Doanh thu cung cấp dịch vụ	631.038.051	546.902.478
Cộng	501.977.796.841	478.515.584.089
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.155.519.974)	
Chiết khấu thương mại		(59.524.927)
Giảm giá hàng bán	(109.897.912)	
Hàng bán bị trả lại	(1.045.622.062)	(61.788.355)
Doanh thu thuần	500.822.276.867	478.394.270.807

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	12.489.590.814	25.502.875.846
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	431.261.652.282	388.963.303.462
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.151.020	160.703.514
Cộng	443.790.394.116	414.626.882.822

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.948.810.515	1.313.131.975
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	428.799.124	485.831.692
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.452.273.901	1.511.894.276
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	4.829.883.540	3.310.857.943

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	37.788.710.917	23.158.175.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	176.765.955	9.226.711.276
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.849.809.845	3.128.628
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(99.760.000)	
Trích lập dự phòng		5.187.732.000
Chi phí tài chính khác	386.190.087	309.967.036
Cộng	38.251.906.959	37.885.714.889

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	2.332.563.687	2.542.324.100
Chi phí vật liệu. bao bì	12.678.225	
Chi phí dụng cụ. đồ dùng	79.612.515	7.617.456
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.862.677.597	3.155.019.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.022.219.989	5.474.310.952
Chi phí bằng tiền khác	5.696.529.254	3.652.587.179
Cộng	<u>14.006.281.267</u>	<u>14.831.858.840</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.719.752.369	1.807.126.322
Chi phí vật liệu quản lý		91.483.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.022.907	
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.282.237.757	1.321.191.501
Thuế. phí và lệ phí		14.919.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	602.798.347	611.331.885
Chi phí bằng tiền khác	2.122.763.888	1.966.726.685
Cộng	<u>6.804.575.268</u>	<u>5.812.778.865</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu tiền nhượng bán. thanh lý tài sản cố định	67.190.909	668.822.496
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		
Thu nhập khác	41.757	48.048.053
Cộng	<u>67.232.666</u>	<u>716.870.549</u>

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán. thanh lý	32.257.135	431.549.769
Phạt vi phạm hợp đồng	21.198.662	
Chi phí khác	15.680.184	3.612
Cộng	<u>69.135.981</u>	<u>431.553.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 18 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà